

PHỤ LỤC
BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG MỨC ĐỘ XÂY DỰNG
CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số : /BC-SCT ngày /11/2021 của Sở Công Thương)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên Sở, ban, ngành: Sở Công Thương
- Địa chỉ: 17 Trần Hưng Đạo, phường Tây Sơn, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 02693.824.354 Fax: 02693.828.240

II. THÔNG TIN LIÊN HỆ

- Họ và tên người thực hiện đánh giá: Ngô Tấn Quân
- Bộ phận công tác: Văn phòng
- Chức vụ: Chuyên viên
- Điện thoại cố định: 02693.824.354 Điện thoại di động: 0977.405942
- Thư điện tử: quannt.sct@gialai.gov.vn

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Nhóm tiêu chí đánh giá điều kiện sẵn sàng Chính quyền điện tử cấp Sở (40 tiêu chí/40 điểm)

Số TT	TIÊU CHÍ	Thang điểm	Điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
I	CÁC TIÊU CHÍ VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG THÔNG TIN			19	17	
1	Tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức khối văn phòng sở của cơ quan (chỉ tính trên số cán bộ công chức trong biên chế thực tế)	$\text{Điểm} = \text{Tỷ lệ\%} \times \text{Điểm tối đa}$ (Điểm luôn ≤ 1)	$\text{Tỷ lệ\%} \times 1$	1	1	40/35
2	Đơn vị có kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng (mạng WAN của tỉnh)	Có	1	1	1	Mạng Wan tỉnh
		Không	0			
3	Màn hình cỡ lớn hoặc bảng LED điện tử (từ 50 inch trở lên) hiển thị công khai lịch công tác hằng ngày, tuần của đơn vị	Có	1	1	1	Vị trí ra vào Sở
		Không	0			
4	Hệ thống camera giám sát an ninh (các vị trí xung yếu thuộc trụ sở)	Có	1	1	1	Trụ Sở liên cơ quan
		Không	0			
5	Hệ thống chống sét lan truyền bảo vệ mạng LAN	Có	1	1	1	Trụ Sở liên cơ quan
		Không	0			
6	Hệ thống tường lửa/giám sát truy nhập truy cập trái phép bảo vệ an toàn mạng LAN	Có	1	1	1	Sophos
		Không	0			
7	Cập nhật các chính sách bảo vệ trên thiết bị tường lửa (firewall)	Có	1	1	1	Sophos
		Không	0			
8	Số máy scan đang sử dụng tại cơ quan	≥ 2	1	1	1	5
		1	0,5			
		Không	0			

9	Tỷ lệ máy tính có cài đặt phần mềm diệt virus máy tính có bản quyền tại khối văn phòng sở (chỉ tính trên số cán bộ công chức trong biên chế thực tế)	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	35/35 (35 Kas, 15 BKAV còn hạn sử dụng)
10	Bố trí máy tính không kết nối Internet và máy in riêng để soạn thảo, in ấn văn bản mật	Có	1	1	1	01 bộ máy tính, máy in
		Không	0			
11	Phòng họp trực tuyến	Có	1	1	0	
		Không	0			
	Đơn vị trực thuộc (Không bao gồm đơn vị trường học, cơ sở y tế)	Sở Công Thương có 01 đơn vị sự nghiệp Trực thuộc: Trung tâm Khuyến Công và Xúc tiến thương mại. Có 15 biên chế viên chức, không có công chức				
12	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc của cơ quan có kết nối Internet băng rộng hoặc đường truyền riêng leased line	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	1/1
13	Tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức, viên chức trong các đơn vị trực thuộc của cơ quan (chỉ tính trên số cán bộ công chức trong biên chế thực tế)	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	15/15
14	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc có kết nối mạng LAN	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	Trung tâm nằm tầng 8, cùng trụ sở với Sở, chung hệ thống
15	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc kết nối mạng Internet băng rộng xDSL/FTTH hoặc mạng truyền số liệu chuyên dùng	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	Trung tâm nằm tầng 8, cùng trụ sở với Sở, chung hệ thống
16	Tỷ lệ máy tính có cài đặt phần mềm diệt virus máy tính có bản quyền tại các đơn vị trực thuộc (chỉ tính trên số cán bộ công chức trong biên chế thực tế)	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	15/15
17	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc có máy scan	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	1/1
18	Tỷ lệ các đơn vị trực thuộc có phòng họp trực tuyến	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	0	
19	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc có thiết bị tường lửa bảo vệ mạng LAN	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	Trung tâm nằm tầng 8, cùng trụ sở với Sở, chung hệ thống
II	CÁC TIÊU CHÍ VỀ NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT)			11	11	

1	Phân công lãnh đạo phụ trách chỉ đạo về ứng dụng CNTT	Có	1	1	1	Quyết định số 97/QĐ-SCT ngày 17/10/2019 v/v thành lập ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử, Giám đốc Sở Trưởng Ban, Phó Giám đốc Sở phó Ban
		Không	0			
2	Công chức chuyên trách CNTT (hoặc phân công phụ trách CNTT trong trường hợp đơn vị không được bố trí biên chế cho vị trí chuyên trách CNTT)	Có công chức chuyên trách CNTT	1	1	1	01 công chức
		Có công chức phụ trách CNTT	0,5			
		Không	0			
3	Tỷ lệ công chức chuyên trách/phụ trách CNTT của đơn vị có trình độ ĐH chuyên ngành CNTT trở lên	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	1/1
4	Số lượt công chức chuyên trách/phụ trách CNTT của đơn vị được tập huấn chuyên sâu về CNTT trong năm	>=1	1	1	1	1/1
		0	0			
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức (CBCC) thuộc đơn vị đã qua đào tạo và sử dụng thành thạo máy tính, các phần mềm có các chứng chỉ tin học, chứng nhận đào tạo phục vụ công việc	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	35/35
6	Số lần cử CBCC tham dự lớp tập huấn về lĩnh vực CNTT theo thông báo của Sở Thông tin và Truyền thông/số lần được triệu tập	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	100%
	Đơn vị trực thuộc (Không bao gồm đơn vị trường học, cơ sở y tế)	Sở Công Thương có 01 đơn vị sự nghiệp Trực thuộc: Trung tâm Khuyến Công và Xúc tiến thương mại. Có 15 biên chế viên chức, không có công chức				
7	Tỷ lệ lãnh đạo của đơn vị trực thuộc được phân công phụ trách chỉ đạo về ứng dụng CNTT	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	Giám đốc Trung tâm
8	Tỷ lệ CBCCVC thuộc đơn vị trực thuộc đã qua đào tạo và sử dụng thành thạo máy tính, các phần mềm, có các chứng chỉ về CNTT theo quy định	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	15/15
9	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc có công chức thực hiện nhiệm vụ chuyên trách/phụ trách CNTT	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	1 viên chức, Trung tâm không có công chức

10	Tỷ lệ công chức làm nhiệm vụ chuyên trách/phụ trách CNTT đơn vị trực thuộc đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ TTTT	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	1/1
11	Tỷ lệ số lượt công chức thực hiện nhiệm vụ chuyên trách/phụ trách CNTT đơn vị trực thuộc được tập huấn chuyên sâu về CNTT trong năm/ Tổng số công chức làm nhiệm vụ chuyên trách CNTT đơn vị trực thuộc	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	1/1
III	CÁC TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH SÁCH			10	9,5	
1	Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử của đơn vị	Có	1	1	1	Quyết định số 97/QĐ-SCT ngày 17/10/2019 v/v thành lập ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử, Giám đốc Sở Trưởng Ban, Phó Giám đốc Sở phó Ban
		Không	0			
2	Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong giai đoạn 5 năm	Có	1	1	1	Kế hoạch số 32/KH-SCT ngày 9/9/2020
		Không	0			
3	Ban hành kế hoạch/văn bản chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, thực hiện các văn bản Trung ương và của tỉnh về ứng dụng, phát triển CNTT, chuyển đổi số trong ngành/đơn vị	Có	1	1	1	Lồng ghép trong Kế hoạch số 40/KH-SCT ngày 14/10/2021 tại khoản 6, Mục III, Phần II
		Không	0			
4	Ban hành văn bản quy định về quản lý, sử dụng các hệ thống thông tin; đảm bảo an toàn thông tin trong nội bộ đơn vị	Có	1	1	1	Quyết định số 76/QĐ-SCT ngày 17/5/2017
		Không	0			
5	Ban hành văn bản quy định về xử lý, gửi, nhận văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số... trong nội bộ đơn vị	Có	1	1	1	Thông báo số 03/TB-SCT ngày 10/10/2019
		Không	0			
6	Ban hành Quy chế về quản lý, vận hành và cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Ban Biên tập Cổng/Trang thông tin điện tử.	Có	1	1	1	Quyết định số 72/QĐ-SCT ngày 16/9/2020; Quyết định số 95/QĐ-SCT ngày 07/12/2020
		Không	0			
7	Đã phổ biến, triển khai đầy đủ các nội dung về tăng cường đảm bảo ATTT theo các văn bản đề nghị, hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	Thực hiện phổ biến, tuyên truyền trong các buổi giao ban đầu tuần, giao ban tháng, quý, năm

8	Tỷ lệ số lần tham gia góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo điều hành khác liên quan đến lĩnh vực CNTT/số lần lấy ý kiến (do cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến)	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	100%
9	Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT của đơn vị hằng năm (trong Quý IV hoặc theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông của năm trước liền kề).	Có	1	1	1	Kế hoạch số 40/KH-SCT ngày 14/10/2021
		Không	0			
10	Ngân sách chi CNTT trong năm tại đơn vị	>=300tr	1	1	0,5	192,8 triệu
		100 <300tr	0,5			
		<100tr	0			
Tổng điểm Nhóm tiêu chí điều kiện sẵn sàng				40	37,5	

2. Các nhóm tiêu chí đánh giá kết quả Chính quyền điện tử đạt được (80 tiêu chí/80 điểm)

Số TT	TIÊU CHÍ	Thang điểm	Điểm	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
I	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HIỆN DIỆN (Tính minh bạch - Thông tin trên Trang thông tin điện tử)			28	28	
	Chuyên mục Giới thiệu chung					
1	Thông tin tóm lược quá trình hình thành và phát triển của cơ quan.	Đầy đủ	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/Gioi-thieu/lich-su-hinh-thanh-phat-trien.aspx
		Không đầy đủ	0,5			
		Không đăng tải	0			
2	Thông tin về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức, đơn vị trực thuộc	Đầy đủ	1	1	1	http://sct.gialai.gov.vn/C-huyen-muc/Gioi-thieu-1.aspx http://sct.gialai.gov.vn/Gioi-thieu/Co-cau-to-chuc.aspx ;
		Không đầy đủ	0,5			
		Không đăng tải	0			
3	Thông tin về lãnh đạo trong cơ quan và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (Bao gồm các thông tin họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức, nhiệm vụ đảm nhiệm)	Đầy đủ	1	1	1	http://sct.gialai.gov.vn/C-huyen-muc/Gioi-thieu-1.aspx http://sct.gialai.gov.vn/Gioi-thieu/Chuc-nang-nhiem-vu-lanh-dao.aspx http://sct.gialai.gov.vn/Gioi-thieu/hop-thu-dien-tu.aspx
		Không đầy đủ	0,5			
		Không đăng tải	0			

4	Thông tin giao dịch chính thức (bao gồm địa chỉ, điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch và tiếp nhận các thông tin của đơn vị và các đơn vị trực thuộc)	Đầy đủ	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/contact/Offices.aspx https://sct.gialai.gov.vn/contact/%c4%90ia-chi-cac-to-chuc-thanh-vien.aspx https://sct.gialai.gov.vn/contact/Tiep-nhan-ho-so-tra-ket-qua.aspx
		Không đầy đủ	0,5			
		Không đăng tải	0			
Chuyên mục Chỉ đạo, điều hành						
5	Kế hoạch/ lịch công tác hằng tháng	Đầy đủ và kịp thời 12 tháng	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/huyenmuc/Events.aspx
		5-11 tháng	0,5			
		Dưới 5 tháng	0			
6	Văn bản cơ quan, đơn vị phục vụ trong công tác quản lý nhà nước được đăng tải hằng tháng (tối thiểu 03 văn bản)	Đầy đủ và kịp thời 12 tháng	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/Documents/Van-ban-chi-dao-dieu-hanh/Van-ban-so.aspx
		5-11 tháng	0,5			
		Dưới 5 tháng	0			
7	Tài liệu về ngân sách (báo cáo tài chính...)	Đầy đủ và kịp thời hàng Quý	1	1	1	http://sct.gialai.gov.vn/huyenmuc/Cong-khai-ngan-sach.aspx
		Không đầy đủ	0,5			
		Không đăng tải	0			
8	Thông tin về khen thưởng, xử phạt đối với các tổ chức, cá nhân thuộc lĩnh vực quản lý	Có đầy đủ	1	1	1	http://sct.gialai.gov.vn/huyenmuc/khenthuongxuphat.aspx http://sct.gialai.gov.vn/huyenmuc/Thanh-tra-xu-phat-linh-vuc-nganh/Xu-phat-linh-vuc-nganh-ct.aspx ;
		Không	0			
Chuyên mục Thông tin tuyên truyền (hoặc các chuyên mục khác có nội dung tuyên truyền)						
9	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nói chung	Đầy đủ và kịp thời 8-12 bài	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/huyenmuc/tuyen-truyen-phap-luat.aspx
		3-7 bài	0,5			
		<3 bài	0			
10	Tuyên truyền về chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển	>= 2 bài	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/huyenmuc/Tiep-can-thong-tin/Thong-tin-tuyen-truyen/chien-luoc-dinh-huong.aspx
		1 bài	0,5			
		0 bài	0			
11	Tuyên truyền về chính sách, ưu đãi, thu hút đầu tư	>= 2 bài	1	1	1	http://sct.gialai.gov.vn/huyenmuc/Tiep-can-thong-tin/Thong-tin-tuyen-truyen/chinh-sach-uu-dai.aspx
		1 bài	0,5			
		0 bài	0			
Chuyên mục Quy hoạch, chiến lược, kế hoạch dài hạn						

12	Thông tin Quy hoạch/chiến lược/kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội dài hạn của tỉnh/ngành	Có	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/c-huyenmuc/Quy-hoach-ke-hoach-KT-XH/Quy-hoach-phat-trien.aspx https://sct.gialai.gov.vn/c-huyenmuc/Quy-hoach-ke-hoach.aspx
		Không	0			
13	Chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư của tỉnh/ngành	Có	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/c-huyenmuc/Du-an-%C4%91au-tu.aspx http://sct.gialai.gov.vn/chuyenmuc/Tiep-can-thong-tin/Thong-tin-tuyen-truyen/chinh-sach-uu-dai.aspx
		Không	0			
Chuyên mục Văn bản quy phạm pháp luật						
14	Danh sách văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan (Số ký hiệu, trích yếu, ngày ban hành, cơ quan ban hành, file đính kèm)	Có đầy đủ	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/Documents/Van-ban-quy-pham-phap-luat/Van-ban-trung-uong.aspx https://sct.gialai.gov.vn/Documents/Van-ban-quy-pham-phap-luat/Van-ban-tinh.aspx
		Không	0			
15	Cung cấp công cụ tìm kiếm văn bản	Đầy đủ	1	1	1	sct.gialai.gov.vn
		Không đầy đủ	0			
16	Liên kết cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh và Trung ương	Có đầy đủ	1	1	1	sct.gialai.gov.vn
		Không	0			
17	Đăng tải danh sách dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương, chính sách cần lấy ý kiến góp ý của tỉnh/ngành	Có	1	1	1	http://sct.gialai.gov.vn/chuyenmuc/Lay-y-kien-cac-van-ban-QPPL-hdnd-ubnd.aspx
		Không	0			
Chuyên mục về dự án, hạng mục đầu tư/ mua sắm công						
18	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư, đang đầu tư hoặc đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm của đơn vị.	Đầy đủ	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/c-huyenmuc/Thong-tin-du-an-(1)/du-an-da-hoan-tat.aspx ; https://sct.gialai.gov.vn/c-huyenmuc/Thong-tin-du-an-(1).aspx
		Không đầy đủ	0			
19	Danh mục mua sắm công của cơ quan, đơn vị.	Đầy đủ	1	1	1	http://sct.gialai.gov.vn/chuyenmuc/thong-tin-du-an/danh-muc-mua-sam-cong.aspx
		Không đầy đủ	0			

20	Mục Thông tin đấu thầu (kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thông báo mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu...) của đơn vị.	Có	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/c-huyenmuc/Thong-tin-du-an-(1)/Thong-tin-dau-thau.aspx ; https://sct.gialai.gov.vn/c-huyenmuc/Thong-tin-du-an-(1)/Thong-tin-dau-thau/Thong-bao-moi-thau.aspx
		Không	0			
Chuyên mục Dịch vụ công trực tuyến						
21	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và 2	100% TTHC	1	1	1	100%
		dưới 100% TTHC	0			
22	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Đầy đủ	1	1	1	Đầy đủ
		Không đầy đủ	0			
23	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Đầy đủ	1	1	1	Đầy đủ
		Không đầy đủ	0			
Chuyên mục Thống kê, báo cáo						
24	Báo cáo kinh tế - xã hội/ngành hàng quý	4	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/SpecialPages/van-ban-bao-cai.aspx
		2-3	0,5			
		0-1	0			
25	Báo cáo kinh tế - xã hội/ngành hàng năm	Có	1	1	1	https://sct.gialai.gov.vn/SpecialPages/van-ban-bao-cai.aspx
		Không	0			
26	Chuyên mục Ý kiến góp ý/Hỏi đáp	Có	1	1	1	http://sct.gialai.gov.vn/c-huyenmuc/Hoi-dap.aspx
		Không	0			
Đơn vị trực thuộc		Trung tâm Khuyến Công và Xúc tiến thương mại Gia Lai				
27	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc có Cổng/Trang thông tin điện tử hoặc có chuyên trang riêng của đơn vị trực thuộc trên Cổng/Trang thông tin điện tử cơ quan	Điểm = Tỷ lệ% x Điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	tipcgialai.vn
28	Các thông tin cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử hoặc chuyên trang riêng của đơn vị trực thuộc trên Cổng/Trang thông tin điện tử cơ quan đầy đủ theo các tiêu chí thành phần từ 1 đến 26 thuộc nhóm Tiêu chí đánh giá mức độ hiện diện	Từ 90% trở lên	1	1	1	tipcgialai.vn
		Từ 60% đến dưới 90%	0,5			
		Từ dưới 60% trở xuống	0			
II	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG TÁC			41	39,93	
Ứng dụng phần mềm nội bộ phục vụ quản lý hồ sơ công việc và điều hành tác nghiệp (hệ thống quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH))						

1	Tỷ lệ cán bộ công chức của đơn vị được cấp phát tài khoản và sử dụng thường xuyên Hệ thống QLVB&ĐH	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	35/35
2	Tỷ lệ lãnh đạo đơn vị xử lý công việc trên hệ thống QLVB&ĐH.	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	3/3
3	Tỷ lệ văn bản đến được số hóa và quản lý trong Hệ thống QLVB&ĐH/ Tổng số văn bản đến của đơn vị	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	10.310/10.310
4	Tỷ lệ văn bản đi được số hóa và quản lý trong Hệ thống QLVB&ĐH/Tổng số văn bản đi của đơn vị	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	3.213/3.213
5	Tỷ lệ văn bản đến được lãnh đạo xét duyệt và chỉ đạo trong Hệ thống QLVB&ĐH/Tổng số văn bản đến của đơn vị	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	10.310/10.310
6	Tỷ lệ văn bản đi được lãnh đạo xét duyệt trong Hệ thống QLVB&ĐH/Tổng số văn bản đi của đơn vị	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	3.213/3.213
7	Đơn vị sử dụng chức năng trao đổi nội bộ	Trên 05 trao đổi/tháng	1	1	1	6
		Từ 01-05 trao đổi/tháng	0,5			
		Không sử dụng	0			
8	Tỷ lệ Trưởng các phòng, ban chuyên môn, thủ trưởng đơn vị trực thuộc của đơn vị bút phê xử công việc trên phần mềm QLVB&ĐH	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	7/7 (6 phòng cm, 01 đơn vị trực thuộc)
9	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc của đơn vị sử dụng Hệ thống QLVB&ĐH (Không bao gồm trường học, cơ sở y tế)	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	1/1
10	Tỷ lệ công chức, viên chức của đơn vị trực thuộc được cấp phát tài khoản sử dụng Hệ thống QLVB&ĐH (Không bao gồm trường học, cơ sở y tế)	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	1/1
11	Tỷ lệ văn bản giao nhiệm vụ được xử lý đúng hạn/Tổng số văn bản giao nhiệm vụ được giao trên phần mềm Quản lý giao việc	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	0,93	69/74
Ứng dụng chữ ký số						
12	Tỷ lệ văn bản đi được ký số bằng chữ ký số cơ quan và gửi đi trên môi trường mạng/Tổng số văn bản đi của đơn vị	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	3.213/3.213

13	Tỷ lệ văn bản đi được ký số bằng chữ ký số của lãnh đạo cơ quan và gửi đi trên môi trường mạng/Tổng số văn bản đi của đơn vị	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	3.213/3.213
14	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc có sử dụng chữ ký số/Tổng số đơn vị trực thuộc	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	1/1
15	Tỷ lệ lãnh đạo đơn vị trực thuộc cơ quan sử dụng chữ ký số	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	1/1
16	Tỷ lệ văn bản đi được ký số bằng chữ ký số của đơn vị trực thuộc và gửi đi trên môi trường mạng/Tổng số văn bản đi của đơn vị trực thuộc (Không bao gồm trường học, cơ sở y tế)	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	0	
Ứng dụng thư điện tử						
17	Tỷ lệ cán bộ công chức của đơn vị được cấp hộp thư điện tử công vụ của tỉnh	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa	Tỷ lệ% x 1	1	1	35/35
18	Tỷ lệ cán bộ công chức của đơn vị thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ để gửi/nhận văn bản phục vụ công việc	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	35/35
19	Tỷ lệ cán bộ công chức viên chức của đơn vị trực thuộc được cấp hộp thư điện tử chuyên dùng của cơ quan nhà nước (Không bao gồm trường học, cơ sở y tế)	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	15/15
20	Tỷ lệ cán bộ công chức viên chức của đơn vị trực thuộc thường xuyên sử dụng thư điện tử chuyên dùng để gửi/nhận văn bản phục vụ công vụ (Không bao gồm trường học, cơ sở y tế)	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	15/15
21	Đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức quản lý, sử dụng hộp thư công vụ không đúng quy định (không đổi mật khẩu mặc định, sử dụng ngoài mục đích phục vụ công việc như: Đăng ký tài khoản các mạng xã hội, các trang thông tin, diễn đàn trên internet...)	Không	1	1	1	0
		Có	0			
Sử dụng phần mềm một cửa điện tử (MCĐT) để quản lý quá trình giải quyết TTHC						
22	Ứng dụng phần mềm MCĐT tại đơn vị	Có	1	1	1	1
		Không	0			

23	Tỷ lệ TTHC được đưa vào áp dụng trong phần mềm một cửa điện tử tại đơn vị/ Tổng số TTHC của đơn vị	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	127/127
24	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, thụ lý và quản lý trong phần mềm một cửa điện tử/Tổng số hồ sơ tiếp nhận, thụ lý và có hạn thụ lý trong năm	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	10.038/10.038
25	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc ứng dụng phần mềm một cửa điện tử (Không bao gồm trường học, cơ sở y tế)	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	Sở có 01 đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp, không có Thủ tục hành chính
26	Tỷ lệ TTHC được đưa vào áp dụng trong phần mềm đối với đơn vị trực thuộc/Tổng số TTHC của đơn vị trực thuộc	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	Sở có 01 đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp, không có Thủ tục hành chính
27	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và giải quyết được công khai tình trạng giải quyết trên mạng Internet/Tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trong năm của đơn vị	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	Sở có 01 đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp, không có Thủ tục hành chính
28	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và giải quyết của đơn vị trực thuộc được công khai tình trạng giải quyết trên mạng Internet/Tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trong năm của đơn vị trực thuộc (Không bao gồm trường học, cơ sở y tế)	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	Sở có 01 đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp, không có Thủ tục hành chính
29	Có sử dụng chức năng "Xin lỗi" công dân nếu hồ sơ bị trễ (Nếu đơn vị không có hồ sơ trễ thì đạt điểm tối đa mục này)	Có	1	1	1	Không có hồ sơ trễ hạn
		Không	0			
	Ứng dụng các phần mềm nội bộ cơ bản					
30	Phần mềm kế toán và quản lý tài sản công	Có	1	1	1	
		Không	0			
31	Phần mềm quản lý cán bộ công chức viên chức	Có	1	1	1	Phần mềm của Sở Nội vụ và phần mềm của Sở
		Không	0			
	Các phần mềm ứng dụng chuyên môn (tối đa 05 điểm)					
32	Quản lý thông tin Xuất nhập khẩu	Có	1	1	1	
		Không	0			
33	Sàn giao dịch Thương mại điện tử	Có	1	1	1	
		Không	0			
34	Cơ sở dữ liệu Công nghiệp và Thương mại	Có	1	1	1	
		Không	0			
35	Phần mềm dự toán Bắc Nam	Có	1	1	1	
		Không	0			

36	Bản đồ phân phối hàng Việt	Có	1	1	1	
		Không	0			
	Bảo đảm an toàn thông tin mạng					
37	Có sử dụng phần mềm chống virus tại tất cả các máy chủ và máy tính cá nhân của đơn vị	Có	1	1	1	35 KAS, 15 BKAV
		Không	0			
38	Sử dụng bảo mật cho thiết bị truy cập không dây	Có	1	1	1	
		Không	0			
39	Có sử dụng phần mềm sao lưu dữ liệu dự phòng định kỳ hàng ngày cho máy chủ	Có	1	1	1	NetGear, Phần mềm backup của VNPT
		Không	0			
40	Có sử dụng thiết bị (như: NAS, SAN...) để lưu trữ dữ liệu	Có	1	1	1	
		Không	0			
41	Có phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP	Có	1	1	1	Quyết định số 137/QĐ-SCT ngày 31/12/2019, cấp độ 2
		Không	0			
III	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ GIAO DỊCH			9	7,659129	
1	Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3/Tổng số TTHC của đơn vị	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	0,047244	6/127
2	Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4/Tổng số TTHC của đơn vị	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	0,913386	116/127
3	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 3/Tổng số hồ sơ của đơn vị tiếp nhận và thụ lý (trong năm) của các TTHC có cung cấp Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	0,813953	70/86
4	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 4/Tổng số hồ sơ của đơn vị nhận thụ lý (trong năm) của các TTHC có cung cấp Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	0,884546	8803/9952
5	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc có cung cấp Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3/Tổng số đơn vị trực thuộc	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	TT KC&XTTM là đơn vị sự nghiệp, không có Thủ tục hành chính
6	Tỷ lệ đơn vị trực thuộc có cung cấp Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4/Tổng số đơn vị trực thuộc	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	TT KC&XTTM là đơn vị sự nghiệp, không có Thủ tục hành chính
7	Tỷ lệ ý kiến của các tổ chức, cá nhân được trả lời trên Cổng/Trang thông tin điện tử/Tổng số ý kiến phản ánh của các tổ chức, cá nhân gửi đến	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	Trong năm 2021 không có ý kiến phản ánh gửi trên trang thông tin điện tử

8	Tỷ lệ hồ sơ TTHC trả đúng hạn/Tổng số hồ sơ tiếp nhận thụ lý tại đơn vị	Đạt 100%	1	1	1	10.038/10.038
		Không đạt 100%	0			
9	Tỷ lệ hồ sơ được thực hiện qua Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các cơ quan khác xử lý (hồ sơ của chính đơn vị gửi cho các cơ quan nhà nước khác để giải quyết TTHC mà không phải nộp trực tiếp)/Tổng số hồ sơ của các TTHC cung cấp các Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 nêu trên đã thực hiện tại đơn vị.	Điểm = Tỷ lệ% x điểm tối đa (Điểm luôn <= 1)	Tỷ lệ% x 1	1	1	Năm 2021 không phát sinh hồ sơ
IV	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI			2	2	
1	Có ứng dụng mẫu biểu điện tử dùng chung	Có	1	1	1	
		Không	0			
2	Có số hóa các tài liệu, hồ sơ (hồ sơ lưu trữ, hồ sơ giải quyết TTHC, tài liệu chuyên ngành...)	Có	1	1	1	
		Không	0			
	Tổng điểm Nhóm tiêu chí kết quả			80	77,58913	
	Tổng điểm Nhóm tiêu chí điều kiện sẵn sàng và Nhóm tiêu chí kết quả			120	115,0891	

*** Ghi chú:** Các đơn vị trong quá trình thực hiện việc tự đánh giá kết quả mức độ Chính quyền điện tử có trách nhiệm cung cấp tài liệu kiểm chứng theo đúng từng tiêu chí bằng các loại văn bản, hình ảnh, đường dẫn, số liệu trích dẫn, báo cáo.... đồng thời tự chịu trách nhiệm với kết quả của mình nếu tài liệu kiểm chứng không phù hợp./.